

Số: 70 /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 820/TTr-STNMT ngày 16 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

1. Bổ sung Điều 2a vào Chương I như sau:

“Điều 2a. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm:

a) Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện) thành lập, gồm các thành phần sau:

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) UBND cấp huyện;

Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp các huyện, thành phố (hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng môi trường huyện);

Các thành viên gồm lãnh đạo các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng (phòng Kinh tế và phòng Quản lý đô thị đối với thành phố Bắc Giang), Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, lãnh đạo Ủy ban dân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) nơi có đất thu hồi, đại diện chủ đầu tư và đại diện các cơ quan, đơn vị khác do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

b) Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất của tỉnh hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp các huyện, thành phố (hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng môi trường huyện).

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được phép thuê tổ chức có chức năng về bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dịch vụ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

Hộ gia đình, cá nhân có đất ở khi Nhà nước thu hồi đất thuộc một trong các trường hợp sau thì được bồi thường bằng đất ở:

1. Thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đất và điều kiện tách thửa, hợp thửa đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND) thì được bồi thường bằng 01 lô đất ở.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở thu hồi thì ngoài diện tích đất ở được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này, còn được giao đất ở cho từng cặp vợ chồng còn lại theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất.

Các cặp vợ chồng hoặc hộ gia đình phải thường trú trên thửa đất thu hồi và là thành viên trong hộ gia đình, có tên trong sổ hộ khẩu hoặc cơ sở dữ liệu về cư trú trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Công an cấp xã) xác nhận.

3. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở mà diện tích đất ở thu hồi từ 02 (hai) lần hạn mức giao đất ở trở lên theo quy định tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND thì hộ gia đình, cá nhân ngoài 01 lô đất ở được giao tái định cư thì được giao thêm 01 (một) lô đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất.

Trường hợp diện tích đất ở thu hồi từ 03 (ba) lần hạn mức giao đất ở trở lên theo quy định tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND thì hộ gia đình, cá nhân ngoài 01 lô đất ở được giao tái định cư thì được giao thêm 02 (hai) lô đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất.

4. Trường hợp Nhà nước thu hồi diện tích đất ở từ 02 (hai) lần hạn mức giao đất ở trở lên theo quy định tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND mà hộ gia đình, cá nhân không thuộc trường hợp phải bố trí tái định cư thì được giao đất ở nhưng tối đa không quá 02 (hai) lô theo giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất.

5. Hộ gia đình, cá nhân có đất ở khi Nhà nước thu hồi đất ngoài diện tích đất ở được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được hưởng một chính sách tái định cư theo quy định tại khoản 2, 3 hoặc khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân được giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất thì được bồi thường bằng đất ở với số lô hoặc diện tích tương đương với số lô hoặc diện tích thu hồi. Trường hợp không bố trí được số lô hoặc diện tích đất bồi thường tương đương với số lô hoặc diện tích đất thu hồi thì UBND cấp huyện căn cứ quỹ đất ở và giá đất ở cụ thể tại thời điểm thu hồi đất để quyết định việc bồi thường theo thẩm quyền.”

3. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:

“c) Trên cùng một thửa đất, bao gồm đất ở và các loại đất khác của một chủ sử dụng đất, khi bị hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không chiếm dụng khoảng không lớn hơn hạn mức đất ở thì phần diện tích các loại đất khác trên cùng thửa đất trong hành lang cũng được bồi thường, hỗ trợ. Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 65% mức bồi thường thu hồi các loại đất khác đó tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang.”

4. Bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Đối với các trường hợp khác, việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại được xác định theo trình tự như sau:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Tổ công tác với thành phần, bao gồm: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng (phòng Quản lý đô thị đối với thành phố Bắc Giang) làm tổ trưởng; các thành viên gồm: Lãnh đạo phòng Tài chính - Kế hoạch (phòng Kinh tế đối với thành phố Bắc Giang), phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đại diện chủ đầu tư, đại diện UBND cấp xã nơi có đất.

b) Tổ công tác có trách nhiệm xác định các chi phí và thời hạn sử dụng đất còn lại để tính toán chi phí đầu tư vào đất còn lại không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP), trình phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định. Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì được bồi thường bằng 50% chi phí quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP theo khối lượng thực tế đã đầu tư không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước; khối lượng thực tế do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kiểm đếm theo quy định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến các thành viên Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng và tổ chức thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc:

Việc hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 148/2020/NĐ-CP) bằng 1,0 lần mức lương tối thiểu trên một tháng do Nhà nước quy định; thời gian tính trợ cấp là thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh, nhưng tối đa không quá 06 tháng.”

6. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Suất tái định cư tối thiểu

1. Suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định bằng đất ở với diện tích 48 m² đối với các trường hợp thửa đất ở đô thị, đất ở bóm quốc lộ, tỉnh lộ hoặc đường Vành đai IV, thuộc vùng quy hoạch phát triển đô thị.

2. Suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định bằng đất ở với diện tích 70m² đối với các trường hợp thửa đất ở nông thôn và các trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này.

3. Giá đất ở của suất tái định cư tối thiểu là giá đất ở cụ thể tại thời điểm thu hồi đất.”

7. Bổ sung khoản 7 Điều 19 như sau:

“7. Ngoài các khoản hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là UBND tỉnh) quyết định biện pháp hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.”

8. Bổ sung Điều 20a vào Chương IV như sau:

“Điều 20a. Trình tự thực hiện khi Nhà nước thu hồi đất

1. Chuẩn bị xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và Thông báo thu hồi đất.
2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Thông báo thu hồi đất.
3. Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
4. Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”

9. Bổ sung Điều 20b vào Chương IV như sau:

“Điều 20b. Chuẩn bị xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và Thông báo thu hồi đất

1. Căn cứ hồ sơ dự án đầu tư được phê duyệt, Danh mục dự án cần thu hồi đất được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, văn bản đề nghị thu hồi đất, giải phóng mặt bằng của chủ đầu tư, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng; lựa chọn và giao đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trường hợp thuê tổ chức có chức năng để thực hiện dịch vụ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND cấp huyện giao Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện, thành phố (hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng môi trường huyện) ký hợp đồng.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; ký hợp đồng giải phóng mặt bằng với Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện, thành phố (hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng môi trường huyện).

3. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng:

a) Thực hiện trích lục bản đồ địa chính khu đất thu hồi để thực hiện dự án; chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư ghép ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án lên bản đồ địa chính đã trích lục và được phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện ký xác nhận. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định việc trích đo địa chính ở nơi có bản đồ địa chính nhưng không được sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, không được tính chi phí trích đo địa chính vào chi phí dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với nơi chưa có bản đồ địa chính, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét tổ chức trích đo địa chính khu đất thu hồi để thực hiện dự án theo quy định.

b) Phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi rà soát các thửa đất, tên chủ sử dụng đất, diện tích thửa, tờ bản đồ số, loại đất cần thu hồi đất để thực hiện dự án.

Trường hợp chủ sử dụng đất vắng mặt tại địa phương, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã rà soát, thống kê các

trường hợp vắng chủ sử dụng đất của các thửa đất Nhà nước thu hồi để lập hồ sơ Thông báo thu hồi đất theo quy định tại Điều 27a Quy định này.

Trường hợp người sử dụng đất đã chết mà không xác định được người thừa kế thực hiện theo khoản 2 Điều 27a Quy định này, nếu không có người thừa kế thì thực hiện thu hồi đất theo điểm b khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; trường hợp xác định được người thừa kế thực hiện theo Điều 27b Quy định này.”

10. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 21 như sau:

“c) UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi thông báo kiểm kê hiện trạng (Mẫu số 02) và Tờ tự khai đến người có đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi (Mẫu số 03).”

11. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 25 như sau:

“b) Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong thời gian ít nhất 20 (hai mươi) ngày liên tục kể từ ngày niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã và điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi (Mẫu số 09 và Mẫu số 10).

Trường hợp người có đất và tài sản trên đất đồng thuận nhất trí với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất và tài sản trên đất liền kề thì việc niêm yết công khai được kết thúc trước 20 ngày. Việc đồng thuận nhất trí phải được lập thành biên bản có chữ ký của người sử dụng đất và lưu hồ sơ.”

12. Sửa đổi khoản 5, khoản 6 Điều 26 như sau:

“5. Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hiệu lực thi hành, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt; văn bản thông báo chi trả tiền ghi rõ ngày trả tiền và thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của thôn, bản, tổ dân phố trong thời gian 03 (ba) ngày tại nơi có đất thu hồi.

Khi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư phải thực hiện khấu trừ các nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (nếu có), trên chứng từ chi trả phải ghi rõ số tiền của từng loại nghĩa vụ tài chính mà người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi phải nộp.

b) Trường hợp quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã có hiệu lực thi hành mà người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi không nhận tiền, không bàn giao đất thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi tiếp tục tuyên truyền, vận động người sử dụng đất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư (nếu có) và lập biên bản tuyên truyền, vận động (Mẫu số 17).

Hết thời gian tổ chức chi trả tiền theo kế hoạch, sau khi tuyên truyền, vận động trong thời gian 10 (mười) ngày mà người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi vẫn không nhận tiền, không nhận đất bồi thường, tái định cư (nếu có) hoặc có tranh chấp, không bàn giao mặt bằng thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi gửi toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước và thông báo ngay bằng văn bản cho người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi biết nơi gửi tiền và số tiền gửi (Mẫu số 18 và Mẫu số 19). Thời điểm hoàn thành việc gửi tiền vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được coi là thời điểm thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ.

6. Việc phê duyệt dự toán và chi trả tiền hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng) theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy định này thực hiện như sau:

a) Dự toán hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng) được phê duyệt trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hộ gia đình, cá nhân không được hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng) nếu không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư (nếu có) và bàn giao mặt bằng cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy định này;

b) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập hồ sơ trình UBND cấp huyện phê duyệt danh sách những người đủ điều kiện nhận hỗ trợ và mức hỗ trợ. Hồ sơ gồm: Thông báo chi trả tiền của UBND cấp huyện hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; biên lai nhận tiền (đối với những người không nhận tiền có lý do chính đáng phải được lập thành biên bản có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng); biên bản bàn giao mặt bằng; danh sách những người đủ điều kiện nhận hỗ trợ và mức hỗ trợ kèm theo;

c) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã có trách nhiệm chi trả tiền cho người được nhận hỗ trợ.”

13. Bổ sung Điều 27a vào Chương IV như sau:

“Điều 27a. Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi vắng mặt người sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất Nhà nước thu hồi

1. Trường hợp xác định được người sử dụng đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi và địa chỉ của người sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất Nhà nước thu hồi:

a) Việc thông báo thu hồi đất; triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm được thực hiện theo điểm a, điểm b khoản 3 Điều 21 Quy định này. UBND cấp xã nơi có đất thu hồi phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng liên hệ và gửi thông báo thu hồi đất, thông báo kiểm kê hiện trạng (Mẫu số 02) và Tờ tự khai đến người có đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi (Mẫu số 03) đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi nhưng vắng mặt; đồng thời UBND cấp xã thông báo trên hệ thống truyền thanh ít nhất 02 (hai) lần/ngày trong thời hạn 03 (ba) ngày liên tục và đăng Thông báo thu hồi đất trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

Sau thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày gửi Thông báo thu hồi đất, thông báo kiểm kê hiện trạng, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi không nhận được Tờ tự khai hiện trạng đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi gửi thông báo đến người có đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi yêu cầu phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo, đồng thời đăng văn bản thông báo trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

Sau thời gian 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo yêu cầu phối hợp đo đạc, kiểm đếm, người có đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật không phối hợp thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có văn bản yêu cầu kiểm đếm bắt buộc. Việc kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 22 và Điều 23 Quy định này.

b) Việc lập, xin ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất thực hiện theo Điều 25 và Điều 26 Quy định này. UBND cấp xã thông báo trên hệ thống truyền thanh ít nhất 02 (hai) lần/ngày trong thời hạn 03 (ba) ngày liên tục và đăng quyết định thu hồi đất trên Cổng Thông tin điện tử của UBND huyện kèm theo danh sách các trường hợp người sử dụng đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi vắng mặt tại địa phương và tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ hoặc vị trí đất được bồi thường, tái định cư (nếu có).

c) Hết thời gian tổ chức chi trả tiền theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 Quy định này mà người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật không nhận tiền, không nhận đất bồi thường, tái định cư (nếu có) và không bàn giao mặt bằng thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thông báo bằng văn bản đến người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi nêu rõ thời hạn nhận tiền hoặc nhận đất bồi thường, tái định cư (nếu có) và bàn giao mặt bằng không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo; đồng thời đăng văn bản thông báo trên Cổng Thông tin điện tử của UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi. Trong trường hợp này, người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi không được nhận kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng) theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy định này.

Sau thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo yêu cầu nhận tiền bồi thường hoặc nhận đất bồi thường, tái định cư (nếu có) mà người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi vẫn không nhận tiền, không nhận đất bồi thường, tái định cư (nếu có) và không bàn giao mặt bằng thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất gửi toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước và thông báo ngay bằng văn bản cho người có đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi biết nơi gửi tiền và số tiền gửi (Mẫu số 18 và Mẫu số 19). Thời điểm hoàn thành việc gửi tiền vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được coi là thời điểm thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ.

d) Việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất thực hiện theo Điều 27 Quy định này.

2. Trường hợp không xác định được người sử dụng đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi hoặc địa chỉ của người sử dụng đất, tài sản trên đất Nhà nước thu hồi thực hiện các bước như quy định tại khoản 1 Điều này, trừ việc gửi các văn bản thông báo, Tờ tự khai, quyết định thu hồi đất đến người sử dụng đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi. Tại mục tên chủ sử dụng đất trong các văn bản, thủ tục liên quan ghi là “Đất không xác định được tên chủ sử dụng đất”; mục địa chỉ thường trú ghi là: “Không xác định được địa chỉ thường trú”.

14. Bổ sung Điều 27b vào Chương IV như sau:

“Điều 27b. Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp người sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất Nhà nước thu hồi đã chết

1. Trường hợp thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với người sử dụng đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã chết mà có di chúc hoặc những người thừa kế đã phân chia di sản thừa kế nhưng chưa thực hiện đăng ký đất đai thì thực hiện các trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người thừa kế theo di chúc, người nhận thừa kế.

2. Trường hợp thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với người sử dụng đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã chết mà không có di chúc và những người thừa kế chưa thực hiện phân chia di sản thừa kế:

a) UBND cấp xã nơi có đất thu hồi rà soát cơ sở dữ liệu về cư trú để xác định những người được thừa kế theo quy định của pháp luật và niêm yết công khai. Trường hợp người sử dụng đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi có địa chỉ thường trú trước khi chết tại địa bàn xã, phường, thị trấn khác với địa chỉ thửa đất thu hồi, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi liên hệ với UBND cấp xã nơi người sử dụng đất và tài sản trên đất Nhà nước thu hồi thường trú trước khi chết để xác định những người được thừa kế theo quy định của pháp luật và niêm yết công khai.

Việc niêm yết công khai trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tại Trụ sở UBND cấp xã, Nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất thu hồi và Trụ sở UBND cấp xã, Nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố nơi người sử dụng đất và tài sản trên đất thường trú trước khi chết. Nội dung niêm yết công khai bao gồm: Tên người sử dụng đất và tài sản trên đất, danh sách những người thừa kế theo quy định của pháp luật, mục đích thu hồi đất, yêu cầu những người thừa kế theo quy định của pháp luật cử người đại diện hoặc thực hiện thủ tục thừa kế. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản có chữ ký của Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) UBND cấp xã, Trưởng (hoặc phó) thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất thu hồi và nơi thường trú của người sử dụng đất, tài sản trên đất trước khi chết (trường hợp không trùng với địa chỉ thửa đất thu hồi).

Trong thời gian niêm yết công khai mà một trong những người thừa kế không đồng ý phải có ý kiến bằng văn bản gửi về UBND cấp xã nơi có đất thu hồi. UBND cấp xã nơi có đất thu hồi chỉ xem xét, xác minh các nội dung mà người

thừa kế đề nghị thêm hoặc bớt người thừa kế trong danh sách những người thừa kế theo quy định của pháp luật.

Việc xác minh người thừa kế được thêm hoặc bớt trong danh sách những người thừa kế theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi ban hành giấy mời và tổ chức làm việc với những người trong danh sách thừa kế và những người được đề nghị thêm vào danh sách để thống nhất về danh sách những người được thừa kế theo quy định của pháp luật. Giấy mời được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi. Kết thúc buổi làm việc phải được lập thành biên bản thống nhất danh sách những người thừa kế theo quy định của pháp luật, những người không đến làm việc hoặc không ủy quyền cho người khác dự được coi như đồng ý với danh sách những người thừa kế theo quy định của pháp luật.

b) Sau thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày niêm yết công khai danh sách những người thừa kế theo quy định của pháp luật, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi gửi danh sách những người thừa kế theo quy định của pháp luật cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện các trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Trường hợp những người thừa kế theo quy định của pháp luật cử người đại diện hoặc thực hiện thủ tục thừa kế thì tên chủ sử dụng đất trong các văn bản, thủ tục liên quan ghi tên người đại diện thừa kế hoặc người được phân chia di sản thừa kế.

Trường hợp những người thừa kế theo quy định của pháp luật không cử người đại diện thừa kế hoặc không thực hiện thủ tục thừa kế thì tên chủ sử dụng đất trong các văn bản, thủ tục liên quan ghi tên tất cả những người thừa kế theo quy định của pháp luật. Việc kiểm đếm được thực hiện với sự tham gia của ít nhất một trong những người thừa kế hoặc người đang trực tiếp quản lý đất và tài sản thu hồi (có giấy xác nhận của UBND cấp xã); nếu những người thừa kế và người quản lý đất, tài sản thu hồi không phối hợp kê khai, kiểm đếm thì tổ chức thực hiện kiểm đếm bắt buộc theo quy định.

c) Trường hợp những người thừa kế theo quy định của pháp luật không thực hiện phân chia di sản thừa kế thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo nguyên tắc những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau, người không trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì không được hưởng các khoản hỗ trợ như đối với trường hợp người trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

3. Các trình tự, thủ tục khác liên quan thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy định này. Việc phân chia di sản thừa kế thực hiện theo quy định của pháp luật.”

15. Bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 28 như sau:

“đ) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã kiểm tra các trường hợp phần diện tích thửa đất nông nghiệp sau khi thu hồi để thực hiện dự án không canh tác được hoặc canh tác khó khăn và người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi; tổng hợp từng trường hợp cụ thể gửi phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 29 như sau:

“8. UBND cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc tổ chức thực hiện, tiến độ và kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn;

b) Thành lập Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng; giao nhiệm vụ thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

c) Ban hành Thông báo thu hồi đất (bao gồm cả các trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của UBND tỉnh);

d) Chỉ đạo thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư tại địa phương và giao đất tái định cư cho người được bố trí tái định cư; giao đất ở bồi thường cho các trường hợp đủ điều kiện;

đ) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân Nhà nước thu hồi cả thửa đất; chỉ đạo chỉnh lý hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định;

e) Phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, UBND cấp xã và cán bộ, công chức trong tổ chức thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường;

g) Xem xét, quyết định các trường hợp thu hồi hết phần diện tích thửa đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi ngoài ranh giới khu đất thực hiện dự án mà không canh tác được hoặc canh tác khó khăn và người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi; các trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu tiếp tục phần diện tích thửa đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi ngoài ranh giới khu đất thực hiện dự án và có lối vào thửa đất còn lại sau thu hồi có diện tích nhỏ hơn diện tích quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND;

h) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung trong công tác đo đạc bản đồ địa chính để phục vụ việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường;

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền; tổ chức cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các Điều 22, 23, 24 Quy định này.”

17. Bổ sung điểm e khoản 9 Điều 29 như sau:

“e) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và Thông báo thu hồi đất; xác định các trường hợp người sử dụng đất và tài sản trên đất vắng mặt tại địa phương; danh sách những người thừa kế theo quy định của pháp luật.”

18. Sửa đổi, bổ sung các Mẫu số 11, Mẫu số 13 và Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Bãi bỏ một số Mẫu của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Bãi bỏ Mẫu số 20, Mẫu số 21, Mẫu số 22 và Mẫu số 23 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã thực hiện xong hoặc đang thực hiện việc trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt;

b) Đối với các trường hợp đã lựa chọn và ký kết hợp đồng với tổ chức có chức năng về bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dịch vụ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết;

c) Đối với Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được thành lập trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quyết định thành lập; trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét điều chỉnh, bổ sung thành viên hoặc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng theo Quyết định này.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, huyện, xã;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh, Cục THADS tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Báo Bắc Giang;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, các phòng, đơn vị;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Binh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

TT	Mẫu số	Nội dung
1	Mẫu số 11	Tờ trình đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
2	Mẫu số 13	Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
3	Mẫu số 15	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Mẫu số 11. Tờ trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....⁰¹.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-.....

....., ngày tháng..... năm

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư****Dự án**Kính gửi:⁰².....*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/ 2013;*

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số .../2021/QĐ-UBND ngày .../.../2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ (bao gồm các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm ...).

..... trình thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án với những nội dung cụ thể như sau:

I. Tổng diện tích đất thu hồi chuyển mục đích sử dụng: m², trong đó:

1.
2.

II. Địa điểm:

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổng giá trị phương án: đồng (*Bằng chữ:.....*). Trong đó:

1. Kinh phí bồi thường về đất: đồng, gồm:

- Đất.....

2. Kinh phí bồi thường hoa màu, tài sản trên đất (nếu có): đồng, gồm:

-

-

3. Kinh phí bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có): đồng, gồm:

-

-

4. Các khoản hỗ trợ: đồng, gồm:

-

-

5. Kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng): đồng.

Hộ gia đình, cá nhân không được hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng) nếu không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư (nếu có) và bàn giao mặt bằng cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang.

6. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:..... đồng, gồm:

-
 -

7. Việc bồi thường bằng đất (nếu có):

8. Phương án bố trí tái định cư (nếu có):

- Địa điểm bố trí tái định cư:.....

- Diện tích lô đất tái định cư:

- Giá đất tái định cư:

- Các thông tin cần thiết khác có liên quan đến việc bố trí tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân.

(Trong trường hợp hộ gia đình cá nhân tự lo chỗ ở tái định cư thì ghi rõ số tiền hỗ trợ kèm theo Đơn đề nghị của Hộ gia đình...;

9. Ý kiến, kiến nghị của tổ chức/hộ gia đình/cá nhân về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kết quả giải quyết (nếu có):

.....

10. Các nội dung cần thiết khác có liên quan (việc di dời các công trình của tổ chức, cơ sở tôn giáo; di dời mộ mả...):

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết kèm theo)

Vậy đề nghị xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC LÀM
 NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG GPMB**

(Ký, đóng dấu)

⁰¹ Tên tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

⁰² Tên cơ quan chủ trì thẩm định.

Mẫu số 13. Tờ trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....⁰³**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-.....

....., ngày tháng..... năm

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.....**Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....⁰⁴*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;**Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;**Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;**Căn cứ Quyết định số .../2021/QĐ-UBND ngày .../.../2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành*

kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ (bao gồm các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm ...).

Sau khi xem xét Tờ trình⁰⁵..... và kết quả thẩm định,⁰³..... đề nghị⁰⁴..... phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án....., với các nội dung cụ thể như sau:

I. Tổng diện tích đất thu hồi chuyển mục đích sử dụng: m², trong đó:

1.

2.

II. Địa điểm:.....

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Tổng giá trị phương án: đồng (Bằng chữ:.....). Trong đó:

1. Kinh phí bồi thường về đất: đồng, gồm:

- Đất.....

2. Kinh phí bồi thường hoa màu, tài sản trên đất (nếu có): đồng, gồm:

-

3. Kinh phí bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có): đồng, gồm:

-

4. Các khoản hỗ trợ: đồng, gồm:

-

5. Kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng): đồng.

Hộ gia đình, cá nhân không được hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng) nếu không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư (nếu có) và bàn giao mặt bằng cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang.

6. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:..... đồng, gồm:

-

7. Việc bồi thường bằng đất (nếu có):

8. Phương án bố trí tái định cư (nếu có):

- Địa điểm bố trí tái định cư:.....

- Diện tích lô đất tái định cư:

- Giá đất tái định cư:

- Các thông tin cần thiết khác có liên quan đến việc bố trí tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân.

(Trong trường hợp hộ gia đình cá nhân tự lo chỗ ở tái định cư thì ghi rõ số tiền hỗ trợ kèm theo Đơn đề nghị của Hộ gia đình...;

9. Ý kiến, kiến nghị của tổ chức/hộ gia đình/cá nhân về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kết quả giải quyết (nếu có):

-

10. Các nội dung cần thiết khác có liên quan (nếu có):.....

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết kèm theo)

Đề nghị xem xét, quyết định./.

Nơi nhận

- Như trên;

-

- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁰³ Ghi tên cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền;

⁰⁴ Ghi tên Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường;

⁰⁵ Ghi tên Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Mẫu số 15. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... thángnăm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
 để thực hiện dự án.....**

ỦY BAN NHÂN DÂN...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/ 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số .../2021/QĐ-UBND ngày .../.../2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ (bao gồm các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm ...).

Theo đề nghị của (ghi tên cơ quan Tài nguyên và Môi trường) tại Tờ trình số.....ngày ... tháng ... năm....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án....., cụ thể như sau:

I. Tổng diện tích đất thu hồi chuyển mục đích sử dụng: m², trong đó:

1.
2.

II. Địa điểm:

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổng giá trị phương án: đồng (Bằng chữ:.....). Trong đó:

1. Kinh phí bồi thường về đất: đồng, gồm:

- Đất.....

2. Kinh phí bồi thường hoa màu, tài sản trên đất (nếu có): đồng, gồm:

-

3. Kinh phí bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có): đồng, gồm:

-

4. Các khoản hỗ trợ: đồng, gồm:

-

5. Kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng): đồng.

Hộ gia đình, cá nhân không được hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng) nếu không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư (nếu có) và bàn giao mặt bằng cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 19 Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang.

6. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:
đồng, gồm:

-

7. Việc bồi thường bằng đất (nếu có):

8. Phương án bố trí tái định cư (nếu có):

- Địa điểm bố trí tái định cư:.....

- Diện tích lô đất tái định cư:

- Giá đất tái định cư:

- Các thông tin cần thiết khác có liên quan đến việc bố trí tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân.

(Trong trường hợp hộ gia đình cá nhân tự lo chỗ ở tái định cư thì ghi rõ số tiền hỗ trợ kèm theo Đơn đề nghị của Hộ gia đình...;

7. Ý kiến, kiến nghị của tổ chức/hộ gia đình/cá nhân về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kết quả giải quyết (nếu có):

-

8. Các nội dung cần thiết khác có liên quan (nếu có):

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết kèm theo)

Điều 2.

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư dự án, UBND xã/phường/thị trấn..... nơi có đất nhà nước thu hồi giao quyết định này đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; tổ chức việc niêm yết công khai Quyết định này theo quy định.

2. có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Văn phòng UBND có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

2. Các cơ quan:....., UBND xã/phường/thị trấn..... nơi có đất nhà nước thu hồi và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Cơ quan thanh tra;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)